

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 869 /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 28 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam;*

*Căn cứ Văn bản số 3201/BTNMT-TNN ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tổ chức triển khai vùng hạn chế nước dưới đất theo quy định của Luật tài nguyên nước năm 2023;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 186/TTr-STNMT ngày 27 tháng 6 năm 2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh, bãi bỏ một số nội dung Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bãi bỏ một số nội dung Điều 1 Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam như sau:

a. Điều chỉnh Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và Bản đồ khoanh vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 (Có bản đồ kèm theo) trên địa bàn tỉnh Hà Nam, như sau:

- Vùng cấm (gọi tắt là vùng hạn chế 1A): bao gồm 01 khu vực đã xảy ra sụt, lún đất với diện tích 0,92 km<sup>2</sup>;

- Vùng hạn chế 1 (gọi tắt là vùng hạn chế 1B): bao gồm 101 khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn là vùng liền kề với khu vực bị nhiễm mặn có hàm lượng tổng chất rắn hòa tan từ 1.500 mg/l trở lên.

(Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế trong Phụ lục đính kèm)

b. Bãi bỏ Vùng hạn chế 3 và Vùng hạn chế hỗn hợp trong Điều 1 Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

2. Điều chỉnh nội dung Điều 2 Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam cụ thể:

"Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b. Lập Phương án tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định;

c. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thuộc địa bàn quản lý.

d. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định pháp luật về tài nguyên nước theo quy định.

e. Rà soát tham mưu điều chỉnh, bổ sung Vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất định kỳ năm (05) năm một lần kể từ ngày ban hành Quyết định này hoặc khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Có sự thay đổi về căn cứ khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 26/5/2024 của Chính phủ Quy định thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước làm thay đổi phạm vi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Có sự biến động về điều kiện tự nhiên thàn thay đổi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất hoặc xuất hiện các khu vực cần khoanh định vùng

cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất hoặc cần đưa ra khỏi Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a. Tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký khai thác nước dưới đất; thường xuyên rà soát, đề xuất điều chỉnh bổ sung Danh mục các vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, Khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất cho phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án được phê duyệt.

3. Các tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất có trách nhiệm:

a. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định phương án, lộ trình thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có) đối với công trình khai thác nước dưới đất của mình theo quy định;

b. Thực hiện các biện pháp cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất theo phương án đã được phê duyệt".

**Điều 2:** Các nội dung không được điều chỉnh tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, NN&PTNT, Y tế;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hà Nam;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng